

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 / 3 / 2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Tâm;
- Ông Lê Thanh Hào.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 332/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1982; địa chỉ: số F, tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ A đường T, khóm G, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà N và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim N trình bày: Vào năm 2008, bà N và ông T tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, tính tình không hợp. Nhiều lần hàn gắn nhưng giữa vợ chồng thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được và không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nhận

thấy, tình cảm đối với nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà N yêu cầu Tòa án không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngân H, sinh ngày 09/3/2008 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/5/2012, hiện các con chung đang sống cùng với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày: ông T và bà N tự tìm hiểu, chung sống chung với nhau vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, ông T và bà N không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm đối với nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông T và bà N là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngân H, sinh ngày 09/3/2008 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/5/2012, hiện các con chung đang sống cùng với bà N. Đồng ý giao các con chung cho bà N nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm giữa bà N và ông T, Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Vụ án không tiến hành hòa giải do các đương sự có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải

* Tại phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của nguyên đơn, biên bản ghi lời khai của bị đơn, lời khai của các cháu Lê Thị Ngân H1, Lê Văn T; giấy xác minh cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa tiến hành

xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng giữa bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn nên bà N yêu cầu không công nhận bà N và ông T là vợ chồng. Ông T cũng thống nhất với yêu cầu trên. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Lê Thị Ngân H, sinh ngày 09/3/2008 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/5/2012, hiện các con chung đang sống cùng với bà N. Ông T đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Huỳnh Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Lê Văn T. Ông T có nơi cư trú tại khóm G, phường C, thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang và ngày 10/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang đều xác định: không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Xét, bà N và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay, có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, không công nhận bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T cùng thống nhất: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngân H, sinh ngày 09/3/2008 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/5/2012, hiện các con chung đang sống cùng với bà N. Bà N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T đồng ý giao các con chung cho bà N nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét, chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T đồng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí bà N đã nộp.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Kim N và ông Lê Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Huỳnh Kim N được nuôi dạy 02 (hai) con chung Lê Thị Ngân H, sinh ngày 09/3/2008 và Lê Văn T1, sinh ngày 06/5/2012. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh kim N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004049 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc